

Bản án số: 415/2022/HS-ST

Ngày: 27 - 10- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 399/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Trần Văn K**, tên gọi khác: không; Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1963 tại: Thái Nguyên; giới tính: nam; nơi thường trú: Tổ 5, phường H, thành phố TN, Tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: Tổ 01, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/10; Nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Ngọc K (đã chết); con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1940; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1967 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn (đã chết), con nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 31, tổ 14, phường T, TP.TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

- Người chứng kiến: Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm H, xã N, TP.TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 50 phút ngày 24/6/2022, tổ công tác của Công an xã N, thành phố TN làm nhiệm vụ tại khu vực xóm T của xã thì phát hiện 01 người đàn ông điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 20L1 - 9285 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, người đàn ông khai nhận tên là Trần Văn K. K tự giác lấy từ túi áo bên trái phía trước đang mặc 01 gói giấy màu trắng bên trong chất bột màu trắng giao nộp cho tổ công tác (K khai đó là Heroine, mục đích mua về để sử dụng cho bản thân). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với K và niêm phong, thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của K 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ, BKS 20L1 - 9285.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng: Số chất bột màu trắng trong bì niêm phong có khối lượng 0,163 gam, lấy mẫu gửi giám định.

Tại Bản Kết luận giám định số 953/KL-KTHS ngày 03/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số chất bột màu trắng trong bì niêm phong (ký hiệu A2) gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 0,163gam.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Trần Văn K khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 24/6/2022, K điều khiển xe mô tô BKS 20L1 - 9285 (là xe K mượn của em dâu là chị Nguyễn Thị Thanh T) đi từ nhà trọ thuộc tổ 1, phường T, thành phố TN đến khu vực xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, mục đích để tìm mua ma túy cho bản thân. Tại đây, K gặp và mua 01 gói Heroine với giá 100.000đồng của một người đàn ông không quen biết. Mua xong, K cất gói ma túy trên vào trong túi áo bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi tìm nơi sử dụng thì bị tổ công tác của Công an xã N, thành phố TN phát hiện bắt quả tang đối với K và thu giữ vật chứng.

Vật chứng của vụ án:

- 02 bì niêm phong ký hiệu A2, A3 bên trong có chứa mẫu vật chứng còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu gửi giám định.

- 01 xe mô tô BKS 20L1-9285, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ, số khung Y-101976, số máy 5VT1-101976, xe đã qua sử dụng, đăng ký mang tên

Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978, trú tại tổ 4, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0124511 mang tên Nguyễn Thị Thanh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh T khai: Chị là em dâu của bị cáo Trần Văn K. Ngày 23/6/2022, K có đến nhà chị chơi và hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 20L1-9285, nhãn hiệu YAMAHA, màu đỏ để đi có việc. Chị đồng ý cho anh K mượn xe. Vài ngày sau, chị mới biết việc K bị bắt và bị tạm giữ chiếc xe K mượn của chị. Chị không biết việc K sử dụng chiếc xe đi mua ma túy. Nay chị đề nghị được xin lại chiếc xe và đăng ký xe mang tên chị để quản lý, sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 402/CT-VKSTPTN ngày 04/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 18 đến 21 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong kí hiệu A2, A3. Trả cho chị T chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 20L1-9285 và đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thanh T. Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận.

Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Hồi 07 giờ 50 phút ngày 24/6/2022, tại xóm T, xã N, thành phố TN, Trần Văn K đang có hành vi tàng trữ 0,163gam Heroine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ Công tác của Công an xã N, thành phố TN phát hiện bắt quả tang, thu giữ niêm phong toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển ..., thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

...

c) Heroine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo cất giữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán để kiếm lời, mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Vật chứng của vụ án: Đối với 02 phong bì niêm phong kí hiệu A2, A3, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu ban đầu là vật chứng của vụ án không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 20L1-9285, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ, số khung Y-101976, số máy 5VT1-101976, xe đã qua sử dụng và đăng ký mô tô, xe máy số 0124511 mang tên Nguyễn Thị Thanh T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, chủ sở hữu chiếc xe là chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978, trú tại tổ 4, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là em dâu của bị cáo. Bị cáo mượn xe của chị T với mục đích làm phương tiện đi khám bệnh. Khi bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy, chị T không hề biết. Chị T đề nghị được xin lại chiếc xe của mình. Xét thấy đề nghị của chị T là có căn cứ chấp nhận, cần trả cho chị T chiếc xe mô tô nêu trên để quản lý, sử dụng.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng, hình phạt và các nội dung khác đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo K khai mua ma túy của 01 người đàn ông không rõ lai lịch địa chỉ ở khu vực xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không có cơ sở điều tra làm rõ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Văn K 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu A2, A3.

Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T chiếc xe mô tô BKS 20L1-9285, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ, số khung Y-101976, số máy 5VT1-101976 và đăng ký xe mô tô, xe máy số 0124511 mang tên Nguyễn Thị Thanh T.

(Số vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho của Chi cục thi hành án dân sự TP TN. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 55 ngày 26/10/2022 giữa cơ quan Công an TP TN và Chi cục Thi hành án dân sự TP TN).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND P.H & P.HVT, TPTN;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu: Hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)